TOÀ ÁN NHÂN DÂN **H1ỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H1ỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị H1ền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng M Hường - Thư ký Toà án nhân dân H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2025), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn M, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn H, xã T, H1ện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn* Chị Vũ Thị N, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn H, xã T, H1ện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (anh Phạm Văn M) trình bày: Anh và chị Vũ Thị N tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Tiên Thanh, H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 28/10/2005. Anh chị chung sống hòa thuận với nhau được khoảng 15 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, anh M yêu

cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Bích H, sinh ngày 11/7/2006 và Phạm Ngọc H1, sinh ngày 10/10/2012. Khi ly hôn anh M đề nghị Toà án giao con Phạm Ngọc H1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con anh xin tự thoả thuận với chị N, không yêu cầu Toà án giải quyết. Con Phạm Thị Bích H đã thành niên, không phải nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án, yêu cầu chị N giao nộp bản tự khai, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập chị N đến làm việc nhưng chị N đều không thực hiện.

Tài liệu xác minhtại gia đình và địa phương thể hiện: Anh M và chị N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005 theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hoà thuận với nhau được khoảng 15 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Anh chị có 02 con chung như anh M trình bày; con lớn đã thành niên, không phải nuôi dưỡng; con nhỏ do anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt kể từ khi anh chị sống ly thân nhau cho đến nay. Chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú và sống tại Thôn H, xã T, H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không ai có văn bản thể hiện việc thay đổi quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xư: Anh Phạm Văn M được ly hôn chị Vũ Thị N. Giao con Phạm Ngọc H1, sinh ngày 10/10/2012 cho anh Phạm Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

theo quy định của pháp luật; con Phạm Thị Bích H, sinh ngày 11/7/2006 đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con và về tài sản chung đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Anh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Anh Phạm Văn M thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn (chị Vũ Thị N) có nơi cư trú tại: Thôn H, xã T, H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H1ện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn (anh Phạm Văn M) vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn (chị Vũ Thị N) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh M, chị N.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thanh vào ngày 28/10/2005 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh M yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Xét thấy, lời khai của anh M phù hợp với kết quả xác M tại gia đình và địa phương, sự phù hợp đó thể hiện: Trong thời gian chung sống anh chị chung sống hoà thuận với nhau được khoảng 15 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị N không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh M nhưng anh M khẳng định anh không còn tình cảm với chị N, vợ chồng

không thể đoàn tụ. Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa anh M và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho anh M được ly hôn chị N.

[5] Về con chung: Anh Phạm Văn M và chị Vũ Thị N có 02 con chung là Phạm Thị Bích H, sinh ngày 11/7/2006 và Phạm Ngọc H1, sinh ngày 10/10/2012. Khi ly hôn anh M đề nghị Toà án giao con Ngọc H1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, kể từ khi anh M, chị N sống ly thân nhau đến nay con Phạm Ngọc H1 do anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; anh M có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; ngoài việc tự mình chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh M còn được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc cháu H1. Quá trình giải quyết, chị N không có quan điểm về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; cháu Ngọc H1 có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, giao con Phạm Ngọc H1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con Ngọc H1, anh M xin tự thoả thuận với chị N, kuhông yêu cầu giải quyết. Tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Con Phạm Thị Bích H đã thành niên, không phải nuôi dưỡng, không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh Phạm Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn M, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn M được ly hôn Chị Vũ Thị N.

2. Về con chung: Giao con Phạm Ngọc H1, sinh ngày 10/10/2012 cho anh Phạm Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 24/6/2025 cho

đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng cho con do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con Phạm Thị Bích H, sinh ngày 11/7/2006, đã thành niên, không phải nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh M đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0012481 ngày 20 tháng 03 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự H1ện Tiên Lãng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND H1ện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS H1ệnTiên Lãng;
- UBND xã Tiên Thanh, H1ện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 26/2005);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị H1ền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Bình Phạm Văn Tiến Phạm Thị H1ền Trang